

Số: 122 /PGDDT-THCS
V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ
ứng dụng công nghệ thông tin,
chuyển đổi số và thống kê giáo dục
năm học 2024-2025

Vinh Thuận, ngày 16 tháng 9 năm 2024

Kính gửi:

- Trường THCS&THPT Vĩnh Bình Bắc;
- Trường THCS&THPT Vĩnh Phong;
- Các Trường học trực thuộc UBND huyện.

Thực hiện Công văn số 3033/SGDDT-QLCL&CNTT ngày 11/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025. Phòng Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) huyện Vĩnh Thuận hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục như sau:

I. NHIỆM VỤ CHUNG

Tiếp tục thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng hiệu quả cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng cường thực hiện thủ tục hành chính qua dịch vụ công trực tuyến và bộ phận một cửa, một cửa liên thông, liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; sử dụng học bạ số; xây dựng cơ sở dữ liệu tốt nghiệp trung học cơ sở, hướng tới bằng tốt nghiệp trung học cơ sở số.

Tăng cường các điều kiện bảo đảm về hạ tầng kỹ thuật và kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, quản trị, dạy, học và nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, kiểm tra, đánh giá trong giáo dục; tiếp tục đóng góp sản phẩm xây dựng kho học liệu số chia sẻ dùng chung toàn ngành, gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; tham gia xây dựng hệ thống thư viện câu hỏi trực tuyến cho các môn học; tăng cường ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hoạt động dạy, học và quản lý giáo dục đi cùng với phát triển các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường học tập số; nâng cao năng lực số cho người học và đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý giáo dục.

Đổi mới nội dung, hình thức, qui mô công tác bồi dưỡng, tự bồi dưỡng kỹ năng sử dụng CNTT, đặc biệt các kỹ năng số, nhận thức về chuyển đổi số trong mỗi viên chức, người lao động nhằm đáp ứng yêu cầu mới; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số dành cho học sinh góp phần phổ cập kỹ năng số trong toàn ngành.

Tăng cường các nguồn lực của nhà nước và xã hội, nâng cao chất lượng nhân lực, đảm bảo các điều kiện về hạ tầng, cơ sở vật chất và trang thiết bị triển khai ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong trường học.



II. MỘT SỐ NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Chuyển đổi số trong dạy, học và đánh giá

Tiếp tục thực hiện Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên, trong đó lưu ý triển khai một số nội dung như sau:

- Duy trì, khai thác sử dụng tối đa lợi ích của phần mềm quản lý học tập (LMS)¹ trong hoạt động dạy học trực tuyến để trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

- Tăng cường xây dựng học liệu số (bao gồm: bài giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện, sách giáo khoa điện tử, phần mềm mô phỏng và các học liệu khác; phát triển hệ thống thư viện câu hỏi trực tuyến cho các môn học); đóng góp học liệu và khai thác sử dụng hiệu quả Kho học liệu dùng chung của Bộ GDĐT, Sở GDĐT² trong tổ chức dạy học và kiểm tra đánh giá.

- Đẩy mạnh đánh giá thường xuyên bằng hình thức trực tuyến.

- Tăng cường tổ chức bồi dưỡng nâng cao kỹ năng số cho đội ngũ nhà giáo; ưu tiên bồi dưỡng các nội dung: ứng dụng các phần mềm dạy học, xây dựng học liệu số, bài giảng điện tử, kỹ năng tổ chức dạy học trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào hoạt động dạy, học.

- Rà soát, đầu tư mới, mua sắm bổ sung máy tính dạy môn tin học tối thiểu đáp ứng mức độ cơ bản (mức độ 2 theo Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT) phục vụ dạy môn Tin học: Tối đa 2-3 học sinh học chung 1 máy tính ở cấp Tiểu học; tối đa 2 học sinh học chung 1 máy tính ở cấp THCS. Chú trọng khai thác phòng máy tính cho các hoạt động chuyên môn của nhà trường và các môn học khác ngoài môn Tin học. Đầu tư trang thiết bị phục vụ xây dựng học liệu số và dạy học trực tuyến (gồm máy tính, thiết bị phụ trợ và các phần mềm cần thiết).

- Triển khai hiệu quả hệ thống thư viện điện tử (bao gồm phần mềm quản trị thư viện và CSDL số hóa sách và tài nguyên phục vụ dạy học), kết nối liên thông với các kho học liệu số, chia sẻ tài nguyên số hóa giữa các cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý giáo dục, giáo viên.

- Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số trong nhà trường.

2. Chuyển đổi số trong quản trị nhà trường và xây dựng cơ sở dữ liệu (CSDL) về giáo dục

Tiếp tục triển khai phần mềm quản trị nhà trường tới 100% cơ sở giáo dục, tối thiểu triển khai các phân hệ: quản lý người học (hồ sơ, kết quả quá trình học

¹ <https://vinhthuansgdkien Giang.lms.vn.edu.vn/>

² <https://igiaoduc.vn>, <https://www.youtube.com/@igiaoduc>, <https://hoclieuso.kien Giang.edu.vn>

tập, rèn luyện, học bạ, sức khỏe), quản lý đội ngũ, quản lý cơ sở vật chất (trong đó có danh mục thiết bị dạy học tối thiểu, nhà công vụ cho giáo viên, phòng học, nước sạch, công trình vệ sinh), y tế học đường, tài chính (thanh toán không dùng tiền mặt); đảm bảo kết nối thông suốt với CSDL giáo dục của tỉnh và CSDL ngành Giáo dục.

Tham mưu lãnh đạo các cấp bố trí nguồn lực để triển khai học bạ số; triển khai xây dựng cơ sở dữ liệu tốt nghiệp trung học cơ sở hướng đến triển khai văn bằng số và công khai thông tin về cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ GDĐT³.

Xây dựng hoàn thiện cơ sở dữ liệu theo Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo, trong đó tập trung triển khai một số nhiệm vụ như sau:

- Tiếp tục triển khai mở rộng cơ sở dữ liệu ngành giáo dục, kết nối với các cơ sở dữ liệu quốc gia nhằm nâng cao tiện ích và hiệu quả cho công tác quản lý giáo dục (cơ sở dữ liệu về giáo dục mầm non, giáo dục thường xuyên, giáo dục thể chất, giáo dục dân tộc, công tác chính trị học sinh sinh viên, cơ sở vật chất và chuyển đổi số).

- Tổ chức cập nhật dữ liệu trên các hệ thống phần mềm cơ sở dữ liệu ngành giáo dục⁴ đảm bảo cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo yêu cầu của Bộ GDĐT; hoàn thiện dứt điểm việc cập nhật đầy đủ số định danh cá nhân của giáo viên và người học; cập nhật đầy đủ kết quả học tập của người học trên cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục theo từng kỳ học; đặc biệt, hoàn thiện đầy đủ thông tin của học sinh phục vụ tuyển sinh đầu cấp (lớp 1, lớp 6, lớp 10, trường phổ thông dân tộc nội trú, giáo dục thường xuyên).

- Thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo thống kê giáo dục định kỳ đối với giáo dục mầm non, phổ thông và giáo dục thường xuyên cấp Trường, Phòng (kỳ đầu năm học và kỳ cuối năm học) đúng thời hạn, đầy đủ, chính xác nội dung theo quy định tại Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 về chế độ báo cáo thống kê ngành Giáo dục; Thông tư số 19/2020/TT-BGDĐT ngày 29/6/2020 quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ GDĐT và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của ngành và chính quyền địa phương. Để đảm bảo chất lượng thông tin và báo cáo, cần lưu ý:

- + Khai khai đầy đủ các thông tin chỉ tiêu trong hồ sơ trường như: Trường có tổ chức dạy học trực tuyến, có sử dụng máy tính, internet cho dạy học, có điện, có nguồn nước sạch, có nước uống, ...

³ Thông tư số 21/2019/TT-BGDĐT ngày 29/11/2019 ban hành Quy chế quản lý bằng tốt nghiệp trung học cơ sở, bằng tốt nghiệp trung học phổ thông, bằng tốt nghiệp trung cấp sư phạm, bằng tốt nghiệp cao đẳng sư phạm, văn bằng giáo dục đại học và chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân

⁴ <https://csdl.moet.gov.vn>

+ Kê khai đầy đủ thông tin về học sinh: năm sinh, tình trạng lên lớp, lưu ban, bỏ học, ...; về đội ngũ: năm sinh, trình độ được đào tạo, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, ...

+ Kiểm tra, rà soát, đánh giá tính khớp đúng các chỉ tiêu theo mẫu biểu báo cáo thống kê trước khi nộp lên cấp trên (như các thông tin, quy mô trường, quy mô học sinh, quy mô học sinh theo tuổi, số học sinh đi học đúng tuổi, số học sinh lưu ban, bỏ học, số giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn trình độ đào tạo, thông tin phổ cập giáo dục, các chỉ tiêu tỷ lệ theo từng cấp học, số liệu chi ngân sách nhà nước cho giáo dục, ...).

3. Tiếp tục triển khai hiệu quả dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt trong giáo dục, trong đó ưu tiên một số dịch vụ

Dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh đầu các cấp học⁵.

Dịch vụ công nhận văn bằng, chứng chỉ, hướng tới triển khai ở mức độ toàn tỉnh.

Tập trung triển khai 03 nhóm dịch vụ công trực tuyến, toàn tỉnh liên thông trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 206/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ⁶.

Đẩy mạnh thanh toán học phí, các khoản thu bằng các hình thức thanh toán không dùng tiền mặt; kết nối phần mềm quản lý học phí, quản lý các khoản thu của cơ sở giáo dục với các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong đó có Nền tảng thanh toán trực tuyến cung cấp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

III. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CƠ BẢN

1. Kiện toàn tổ chức bộ phận phụ trách công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục

Tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy nòng cốt triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục trong toàn ngành. Thủ trưởng đơn vị là người chỉ đạo toàn diện, giao cho 01 lãnh đạo phụ trách và viên chức công nghệ thông tin hoặc giáo viên kiêm nhiệm làm đầu mối triển khai nhiệm vụ công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục.

Cán bộ đầu mối các trường duy trì liên hệ thường xuyên với bộ phận đầu mối của phòng GDĐT, quan tâm đến việc trao đổi ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của ngành nhằm kịp thời cập nhật thông tin, định hướng và phối hợp trong triển khai nhiệm vụ trên nhóm Zalo công nghệ thông tin, chuyển đổi số của Phòng GDĐT Vĩnh Thuận⁷.

⁵ <https://tuyensinhkiengiang.eduvi.vn/>

⁶ <https://dichvucong.kiengiang.gov.vn/>

⁷ <https://zalo.me/g/dzvbox772>

Phối hợp với các đơn vị có năng lực, triển khai các khóa bồi dưỡng kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số cho 100% giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý giáo dục và học sinh. Nội dung bồi dưỡng chú trọng tới một số chủ đề như: Kỹ năng tổ chức, quản lý các hoạt động dạy học kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến; kỹ năng thiết kế bài giảng e-Learning, video bài giảng, thiết bị dạy học số; kỹ năng quản lý, triển khai có hiệu quả các phần mềm quản trị trong cơ sở giáo dục; nâng cao nhận thức và kỹ năng về an toàn thông tin.

2. Triển khai hiệu quả việc đánh giá mức độ chuyển đổi số

Các trường tổ chức đánh giá mức độ chuyển đổi số⁸. Căn cứ kết quả đánh giá mức độ chuyển đổi số, đối chiếu với thực tế của trường, hiệu trưởng xây dựng Kế hoạch nâng cao mức độ chuyển đổi số của trường, đồng thời đề xuất UBND huyện (qua Phòng GDĐT) quan tâm, đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, cơ sở vật chất để thực hiện chuyển đổi số.

Phòng GDĐT thường xuyên chỉ đạo, rà soát bảo đảm mức độ chuyển đổi số của các trường. Xác định mức độ chuyển đổi số của các trường là nền tảng, cơ sở đánh giá mức độ chuyển đổi số của ngành giáo dục.

3. Đảm bảo nguồn lực triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số

Các trường chủ động rà soát và đề xuất mua sắm bổ sung, duy trì, nâng cấp trang thiết bị đáp ứng yêu cầu triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong dạy, học, kiểm tra đánh giá và quản lý giáo dục; phối hợp các VNPT Vĩnh Thuận hoặc Viettel Vĩnh Thuận nâng cấp đường truyền, bảo đảm đáp ứng nhu cầu cho các hoạt động dạy, học, kiểm tra đánh giá trực tiếp, trực tuyến.

Có biện pháp đảm bảo an toàn an ninh thông tin đối với các hệ thống công nghệ thông tin. thường xuyên rà soát, khắc phục các nguy cơ mất an toàn, an ninh thông tin. Đẩy mạnh tuyên truyền tới toàn thể cán bộ, giáo viên và học sinh kỹ năng nhận biết, phòng tránh các nguy cơ mất an toàn thông tin khi sử dụng các phần mềm trực tuyến và thiết bị cá nhân như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính cá nhân. Đồng thời lồng ghép, giáo dục các nội dung về các quy tắc ứng xử trên môi trường mạng, các quy định về an toàn, an ninh mạng.

Bên cạnh việc chủ động tham mưu các cấp quản lý ưu tiên nguồn lực đầu tư mua sắm thiết bị dạy học trực tuyến phục vụ nhà trường, giáo viên và học sinh, tổ chức huy động các nguồn lực xã hội ủng hộ, tài trợ thiết bị dạy học trực tuyến cho học sinh và giáo viên.

4. Phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số trong giáo dục

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý và giáo viên về vai trò và kết quả của ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi

⁸ Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 của Bộ GDĐT ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên



số trong các hoạt động giáo dục; phổ biến và tuyên truyền tới cán bộ, giáo viên và học sinh về ý thức bảo vệ dữ liệu cá nhân, kỹ năng sử dụng thiết bị số và tham gia môi trường số an toàn; trang bị các phần mềm phòng chống virus có bản quyền; triển khai các hoạt động hưởng ứng ngày chuyển đổi số quốc gia vào ngày 10 tháng 10 hàng năm và ngày chuyển đổi số của ngành Giáo dục và Đào tạo vào ngày 12 tháng 12 hàng năm.

5. Công tác kiểm tra của Phòng Giáo dục và Đào tạo

Tăng cường công tác kiểm tra đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê trong giáo dục, tối thiểu 03 trường Mẫu giáo, 04 trường tiểu học, 02 trường Tiểu học và Trung học cơ sở, và 01 trường Trung học cơ sở (kiểm tra chuyên đề hoặc lồng ghép vào kế hoạch kiểm tra hàng năm).

6. Triển khai tổ chức dạy học trực tuyến

Các trường xây dựng kế hoạch triển khai hoạt động giáo dục trực tuyến, đảm bảo tỷ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến (củng cố bài học, nội dung luyện tập mở rộng, kiểm tra đánh giá, dạy trực tuyến, học sinh tự học qua LMS, ...) đạt trung bình 5% ở cấp tiểu học, 10% ở trung học cơ sở. Nội dung dạy học trực tuyến phải được giáo viên thể hiện qua các kế hoạch giáo dục của nhà trường⁹.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở những nội dung của hướng dẫn này, các trường tổ chức triển khai thực hiện, lưu ý các mốc thời gian đánh giá kết quả và báo cáo như sau:

1. Xây dựng Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025.

2. Tổ chức sơ kết đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục sau khi kết thúc học kỳ I và gửi về Phòng GDĐT trước ngày 10/01/2025.

3. Tổ chức đánh giá, tổng kết thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và công tác thống kê giáo dục năm học 2024-2025 trước ngày 25/5/2025.

4. Từ ngày 10 đến 20/5/2025, hiệu trưởng phê duyệt kết quả tự đánh giá mức độ chuyển đổi số và cập nhật kết quả lên hệ thống cơ sở dữ liệu giáo dục trước ngày 31/5/2025.

5. Phòng GDĐT gửi kèm theo Phụ lục danh sách các văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Bộ GDĐT, Sở GDĐT liên quan đến triển khai ứng dụng công nghệ

⁹ Các Kế hoạch theo quy định tại Công văn số 5512/BGDĐT-GDTrH ngày 18/12/2020 của Bộ GDĐT về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục của nhà trường

thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục để các trường nghiên cứu và quán triệt thực hiện.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần báo cáo kịp thời về Phòng GDĐT (qua bộ phận theo dõi chuyên môn trung học cơ sở, ông Võ Thanh Liêm, số điện thoại 0919138848) để được hỗ trợ, giải quyết kịp thời./.

Nơi nhận:

- Phòng QLCL&CNTT Sở GDĐT Kiên Giang;
- Lãnh đạo, chuyên viên Phòng GDĐT;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT.

TRƯỞNG PHÒNG



Trần Văn Len



**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
VĨNH THUẬN**

**PHỤ LỤC
MỘT SỐ VĂN BẢN VỀ TRIỂN KHAI
ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ THỐNG KÊ GIÁO DỤC
NĂM HỌC 2024-2025**

(kèm theo công văn số: 122/PGDDĐT-CNTT ngày 16/9/2024)

1. Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;
2. Nghị định số 72/2013/NĐ-CP ngày 15/7/2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ internet và thông tin trên mạng;
3. Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030. Trong đó Chính phủ giao Bộ GDĐT rà soát, làm rõ nội dung quản lý nhà nước về cung cấp dịch vụ giáo dục; đổi mới tổ chức, quản lý, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực GDĐT;
4. Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 7/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019-2020, định hướng đến 2025;
5. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030" trong đó GDĐT là 1/8 lĩnh vực ưu tiên, Thủ tướng Chính phủ giao các Bộ, ngành nói chung và Bộ GDĐT nói riêng xây dựng kế hoạch chuyển đổi số;
6. Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;
7. Quyết định số 117/QĐ-TTg ngày 25/01/2017 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hỗ trợ các hoạt động dạy-học, nghiên cứu khoa học góp phần nâng cao chất lượng GDĐT giai đoạn 2016-2020, định hướng đến năm 2025", trong đó có định hướng đến năm 2025, tiếp tục phát huy kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, tồn tại trong quá trình triển khai;
8. Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030";
9. Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án "Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực



điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030”;

10. Thông tư số 08/2010/TT-BGDĐT ngày 01/03/2010 quy định về sử dụng phần mềm tự do nguồn mở trong các cơ sở giáo dục;

11. Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 quy định về Điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

12. Thông tư số 35/2017/TT-BGDĐT ngày 28/12/2017 quy định về quản lý, vận hành và sử dụng hệ thống thông tin quản lý phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;

13. Thông tư số 21/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 quy định ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động bồi dưỡng, tập huấn qua mạng Internet cho giáo viên, nhân viên và cán bộ quản lý giáo dục;

14. Thông tư số 19/2017/TT-BGDĐT ngày 28/7/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục;

15. Thông tư số 24/2018/TT-BGDĐT ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Chế độ báo cáo thống kê ngành giáo dục.

16. Thông tư số 37/2020/TT-BGDĐT ngày 05/10/2020 của Bộ GDĐT Quy định về tổ chức hoạt động, sử dụng thư điện tử và cổng thông tin điện tử tại sở giáo dục và đào tạo, phòng giáo dục và đào tạo và các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

17. Thông tư số 09/2021/TT-BGDĐT ngày 30/03/2021 quy định về quản lý và tổ chức dạy học trực tuyến trong cơ sở giáo dục phổ thông và cơ sở giáo dục thường xuyên;

18. Thông tư số 42/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GDĐT Quy định về cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

19. Văn bản số 5807/BGDĐT-CNTT ngày 21/12/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn triển khai mô hình ứng dụng CNTT trong trường phổ thông;

20. Quyết định số 4998/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định kỹ thuật về dữ liệu của cơ sở dữ liệu giáo dục và đào tạo;

21. Quyết định số 4725/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2022 ban hành Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số của cơ sở giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

22. Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/05/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.

23. Công văn số 4324/BGDĐT-CNTT ngày 14/8/2024 của Bộ GDĐT về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025;

24. Công văn số 3033/SGDĐT-QLCL&CNTT ngày 11/9/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Kiên Giang về việc Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2024-2025;



25. Văn bản số 12/SGDDĐT-CNTT ngày 15/6/2011 của Sở GDĐT Kiên Giang về việc tổ chức quản lý thiết bị văn phòng, máy tính.

26. Chỉ thị số 733/CT-BGDĐT ngày 10/5/2023 của Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh thực hiện quy định liên quan đến bỏ sổ hộ khẩu giấy, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, dịch vụ công trong lĩnh vực giáo dục.

27. Thông tư số 03/2024/TT-BGDĐT ngày 18/3/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành hệ thống chỉ tiêu thống kê ngành giáo dục.

28. Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ về quản lý đầu tư ứng dụng CNTT sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước.
